

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	3-9
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	67
3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	144
của CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH	144
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016	144
Kèm theo	
BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	144-14
Kèm theo minh Báo cáo tài chính chọn lọc hợp nhất	15-44

# CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần May Phú Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty và một số các kiểm toán viên độc lập.

### MỤC LỤC

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc</b>	<b>3-5</b>
<b>2. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>6-7</b>
<b>3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét</b>	<b>8-44</b>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	8-11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	13-14
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc hợp nhất	15-44

Ông Nguyễn Việt Tùng

Chủ tịch

Bà Tạ Thị Ngọc

Thành viên

Ông Chu Ngọc Cường

Thành viên

Ông Nguyễn Việt Đạt

Thành viên

Ông Trịnh Đức Hạnh

Thành viên

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên:

Chức vụ:

Bà Đỗ Thị Sáu

Trưởng ban

Bà Nguyễn Thị Văn Anh

Thành viên

Bà Nguyễn Thị Thủy Nga

Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên:

Chức vụ:

Ông Nguyễn Việt Tùng

Tổng Giám đốc

Ông Chu Ngọc Cường

Phó Tổng giám đốc

### 3. Trụ sở và cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Công ty có công ty con như sau:

Tên

Địa chỉ

Công ty TNHH Dệt may Phú Vinh Hưng - Xóm Đoàn Kết, xã La Phù, huyện Hoài Đức, Hà Nội

# CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần May Phú Thành (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần May Phú Thành là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500578254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/01/2008 và được đăng ký thay đổi lần thứ sáu vào ngày 24 tháng 12 năm 2014.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 06 ngày 24/12/2014 là 96.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Chín mươi sáu tỷ đồng./.*) tương đương với 9.600.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, gia công hàng may mặc.

### 2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm các vị như sau:

Họ và tên:

Chức vụ:

- |                        |            |
|------------------------|------------|
| - Ông Nguyễn Viết Tùng | Chủ tịch   |
| - Bà Tạ Thị Nga        | Thành viên |
| - Ông Chu Ngọc Cường   | Thành viên |
| - Ông Nguyễn Viết Đạt  | Thành viên |
| - Ông Trịnh Đắc Hạnh   | Thành viên |

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên :

Chức vụ:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| - Bà Đỗ Thị Sáu          | Trưởng ban |
| - Bà Nguyễn Thị Vân Anh  | Thành viên |
| - Bà Nguyễn Thị Thúy Nga | Thành viên |

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên:

Chức vụ:

- |                        |                   |
|------------------------|-------------------|
| - Ông Nguyễn Viết Tùng | Tổng Giám đốc     |
| - Ông Chu Ngọc Cường   | Phó Tổng giám đốc |

### 3. Trụ sở và cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Công ty có công ty con như sau:

Tên	Địa chỉ
Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng	Xóm Đoàn Kết, xã La Phù, huyện Hoài Đức, Hà Nội

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

### **4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### **5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Ban Tổng giám đốc Công ty xin được công bố sự kiện phát sinh quan trọng kể từ ngày 30 tháng 06 năm 2016 đến ngày lập báo cáo này như sau:

- Miễn nhiệm chức vụ kế toán trưởng của bà Nguyễn Thị Hợi từ ngày 01/08/2016.
- Bổ nhiệm chức vụ kế toán trưởng cho bà Nông Kim Nhân từ ngày 01/08/2016.

Ban Tổng giám đốc Công ty cũng cho rằng, ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

### **6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty.

### **7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập báo cáo tài chính này hợp nhất, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

# CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỳ kê toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### 8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kê toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2016

**TM. Ban Tổng giám đốc**



**Nguyễn Việt Tùng**  
**Tổng Giám đốc**

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410. Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Mọi cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2016

Số: 130 /2016/BCKT/PKF-VPHN

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần May Phú Thành**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 kèm theo của Công ty Cổ phần May Phú Thành được lập ngày 19 tháng 08 năm 2016, từ trang 08 đến trang 45 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

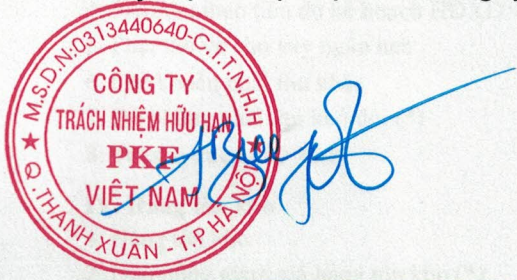
**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Phú Thành tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.6, trong 6 tháng đầu năm 2016, Công ty cho một số cá nhân vay bằng tiền mặt.

**Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam**



**Trần Thị Nguyệt**  
Phó Tổng giám đốc  
*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0589-2015-242-1*

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>171.480.428.062</b>	<b>144.283.785.222</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>3.748.529.548</b>	<b>7.327.702.168</b>
1. Tiền	111		3.748.529.548	7.327.702.168
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>60.422.287.753</b>	<b>43.380.068.525</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	41.693.910.396	29.776.495.364
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.019.984.312	2.708.766.802
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.6	12.390.000.000	8.500.000.000
6. Các khoản phải thu khác	136	V.5	2.855.619.444	2.394.806.359
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		(537.226.399)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>104.450.819.337</b>	<b>89.287.985.764</b>
1. Hàng tồn kho	141		104.495.575.337	89.332.741.764
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(44.756.000)	(44.756.000)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.858.791.424</b>	<b>4.288.028.765</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	140.735.182	154.151.557
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.708.070.968	4.123.891.934
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		9.985.274	9.985.274
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>85.714.467.859</b>	<b>84.771.470.624</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B01a-DN/HN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>57.069.224.567</b>	<b>55.830.430.948</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	56.691.592.235	55.448.248.828
- Nguyên giá	222		85.792.544.226	80.583.387.670
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.100.951.991)	(25.135.138.842)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	377.632.332	382.182.120
- Nguyên giá	228		475.200.000	475.200.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(97.567.668)	(93.017.880)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.169.308.000</b>	<b>5.123.630.200</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.169.308.000	5.123.630.200
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>18.420.000.000</b>	<b>18.420.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		18.420.000.000	18.420.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.055.935.292</b>	<b>5.397.409.476</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	680.935.292	772.409.476
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		4.375.000.000	4.625.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>257.194.895.921</b>	<b>229.055.255.846</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B01a-DN/HN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>131.824.625.798</b>	<b>107.544.231.451</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>113.596.773.073</b>	<b>89.755.214.038</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	18.745.479.399	18.491.299.822
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	7.257.592.256	2.789.827.098
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	4.938.964.485	4.487.499.926
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	190.000.000	130.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	413.199.671	35.601.877
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	82.051.537.262	63.820.985.315
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>18.227.852.725</b>	<b>17.789.017.413</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	18.227.852.725	17.789.017.413
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Nguyễn Kim Nhân

Nguyễn Kim Nhân

Nguyễn Việt Tùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B01a-DN/HN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>131.824.625.798</b>	<b>107.544.231.451</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>113.596.773.073</b>	<b>89.755.214.038</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	18.745.479.399	18.491.299.822
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	7.257.592.256	2.789.827.098
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	4.938.964.485	4.487.499.926
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	190.000.000	130.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	413.199.671	35.601.877
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	82.051.537.262	63.820.985.315
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>18.227.852.725</b>	<b>17.789.017.413</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	18.227.852.725	17.789.017.413
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Nguyễn Kim Nhân

Nguyễn Kim Nhân

Nguyễn Việt Trung

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B01a-DN/HN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>125.370.270.123</b>	<b>121.511.024.395</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	125.370.270.123	121.511.024.395
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		96.000.000.000	96.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		96.000.000.000	96.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		18.974.218.422	15.299.740.265
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.299.739.865	2.800.557.736
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.674.478.558	12.499.182.529
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.396.051.701	10.211.284.130
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>257.194.895.921</b>	<b>229.055.255.846</b>

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nông Kim Nhân

Nông Kim Nhân

Nguyễn Việt Tùng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01	VI.1	<b>50.112.889.570</b>	<b>50.383.520.690</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	87.274	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>50.112.802.296</b>	<b>50.383.520.690</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	38.179.514.311	42.653.060.357
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>11.933.287.985</b>	<b>7.730.460.333</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.069.407.414	12.070.911.909
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	3.909.390.955	2.132.297.665
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.881.029.934	852.036.622
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25	VI.8	776.719.538	806.875.670
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	3.254.422.595	2.473.321.099
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>5.062.162.311</b>	<b>14.388.877.808</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.6	55.984.106	-
13. Chi phí khác	32	VI.7	236.909.564	381.335.121
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(180.925.458)</b>	<b>(381.335.121)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>4.881.236.853</b>	<b>14.007.542.687</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	1.021.990.724	3.081.784.460
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>3.859.246.129</b>	<b>10.925.758.227</b>
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông công ty mẹ	61		3.674.478.559	10.718.686.284
20. Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát	62		184.767.571	207.071.943
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		383	2.199
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Người lập



Nông Kim Nhân

Kế toán trưởng



Nông Kim Nhân



Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2016

Tổng Giám đốc

Nguyễn Việt Tùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B03a-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>4.881.236.853</b>	<b>14.007.542.687</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4.112.680.430	2.525.598.774
- Các khoản dự phòng	03		537.226.399	
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(11.201.965.798)
- Chi phí lãi vay	06		3.881.029.934	2.041.140.251
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>13.412.173.616</b>	<b>7.372.315.914</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12.273.624.661)	(3.882.509.130)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(15.162.833.573)	(934.110.477)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.672.922.314	(4.931.461.492)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		104.890.559	345.192.309
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.712.640.506)	(2.041.140.251)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(569.261.807)	(325.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(13.528.374.058)</b>	<b>(4.396.713.127)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.361.256.556)	(136.172.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.390.000.000)	(25.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		16.500.000.000	19.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(25.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	15.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		531.070.735	11.615.034.008
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(8.720.185.821)</b>	<b>(4.521.138.719)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B03a-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		90.247.803.272	86.019.859.168
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(71.578.416.013)	(77.130.861.620)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>18.669.387.259</b>	<b>8.888.997.548</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(3.579.172.620)</b>	<b>(28.854.298)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>7.327.702.168</b>	<b>4.718.715.126</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>3.748.529.548</b>	<b>4.689.860.828</b>

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nông Kim Nhân

Nông Kim Nhân

Nguyễn Viết Tùng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B09-DN/HN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu**

Công ty Cổ phần May Phú Thành là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500578254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 01 năm 2008 và được đăng ký thay đổi lần thứ sáu vào ngày 24 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 06 ngày 24/12/2014 là 96.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Chín mươi sáu tỷ đồng./.*) tương đương với 9.600.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất, gia công và thương mại hàng may mặc.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất sợi; Sản xuất vải dệt thoi; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ liên quan đến in; In ấn;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn tổng hợp;
- Chuẩn bị mặt bằng; chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn thực phẩm; chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Sản xuất các loại bánh từ bột; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng chuyên doanh
- Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất các sản phẩm nhựa.

**4. Cấu trúc doanh nghiệp**

**Công ty con: Công ty TNHH Dệt kim Phú Vinh Hưng**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500446466 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 vào ngày 16 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở tại xóm Đoàn Kết, xã La Phù, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500446466 cấp ngày 16/12/2014 là 80.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng chẵn./.*)

Theo Đăng ký kinh doanh tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại ngày 30/06/2016:



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng	87,5%	87,5%

**5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

**6. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:** Không.

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 là Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đầu tiên của Công ty.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**3. Cơ sở hoạt động liên tục**

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy được.

**4. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần May Phú Thành bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và công ty con là Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng.

Công ty soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Khi thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-DN/HN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

**a) Chứng khoán kinh doanh:**

**b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

**c) Các khoản cho vay:**

Các khoản cho vay được phản ánh theo khế ước cho vay giữa Công ty với các đối tượng vay không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

**d) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:**

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

**e) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

**f) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:**

Các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

**g) Lập dự phòng đầu tư tài chính**

Dự phòng đầu tư tài chính là dự phòng lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

**4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

**a) Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

**b) Lập dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

**a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-DN/HN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

**b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

**c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản thuê tài chính, bất động sản đầu tư**

**a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                          |           |
|--------------------------|-----------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05-55 năm |
| - Máy móc, thiết bị      | 03-08 năm |
| - Phương tiện vận tải    | 05-06 năm |
| - Thiết bị văn phòng     | 03-05 năm |

**b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản thuê tài chính**

**c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư**

**7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh**

**8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-DN/HN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Phân bổ lợi thế thương mại: Lợi thế thương mại được phát sinh trong quá trình hợp nhất kinh doanh thể hiện khoản thanh toán của bên mua cho những lợi ích kinh tế thu được trong tương lai từ những tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận và không xác định được một cách riêng biệt. Lợi thế thương mại được phân bổ trong vòng 10 năm.

**10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản phải trả người bán được từng đội theo dõi và chịu trách nhiệm.

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

**12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận khi Công ty nhận được hàng hóa, dịch vụ từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

**15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B09-DN/HN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu****a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**c) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**d) Doanh thu hợp đồng xây dựng****e) Thu nhập khác**

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

**17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ của Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-DN/HN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ.

**19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

**21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**22. Công cụ tài chính**

**a) Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

**b) Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

**23. Báo cáo theo bộ phận**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B09-DN/HN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh sản xuất và kinh doanh: bít tất, quần áo, vải...

**Khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực Hà Nội do đó Công ty không lập báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý mà được phân bổ theo trong nước và xuất khẩu.

**24. Bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.5.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**

Đơn vị tính: VND

**1. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tiền mặt	1.309.403.707	2.796.231.360
Tiền gửi ngân hàng	2.439.125.841	4.524.903.455
- Tiền gửi ngân hàng VND	2.410.714.137	4.493.741.706
NH TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Quang Minh	531.251.344	501.529.677
NH TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	7.612.545	7.612.545
NH TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	671.602.252	3.252.653.892
NH TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Tràng An	1.438.396	518.963.602
NH TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Tràng An	2.217.309	-
NH TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	1.000.542	-
NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nguyễn Trãi	2.814.621	2.335.677
NH NN&PTNT - CN Hà Tây	2.913.116	2.913.116
NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam	15.567	820.479
NH TNHH Indovina	574.425.062	80.610.762
NH TMCP Quân Đội	1.354.162	1.000.000
NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	2.560.495	2.554.003
NH TMCP Kỹ thương Việt Nam	602.630.627	122.747.953
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	2.310.746	-
Tiền gửi giao dịch chứng khoán	6.567.353	-
- Tiền gửi ngân hàng USD	28.411.704	31.161.749
NH TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	6.675.778	6.675.778
NH TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	10.572.379	13.474.265
NH TMCP Quốc dân - CN Hà Nội	1.036.775	1.036.775
NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nguyễn Trãi	8.672.073	8.588.248
NH TNHH Indovina	582.541	449.400
NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	843.787	908.912
NH NN&PTNT - CN Hà Tây	28.371	28.371
Tiền đang chuyển	-	6.567.353
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.748.529.548</b>	<b>7.327.702.168</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B 09a-DN

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-	-
b1) Ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
b1) Dài hạn	-	-	-	-	-	-
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.420.000.000	-	-	18.420.000.000	-	-
- Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	18.420.000.000	-	-	18.420.000.000	-	-
Công ty CP Dệt may Supertex - tỷ lệ sở hữu 19%	3.420.000.000	-	-	3.420.000.000	-	-
Công ty CP Đầu tư NHP - tỷ lệ sở hữu 10%	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>18.420.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>18.420.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Xem thuyết minh VIII.4.5 - Giá trị hợp lý

**Tình hình hoạt động của công ty con**

Công ty TNHH Dệt kim Phú Vinh Hưng là công ty sản xuất và gia công hàng dệt kim, tổng số vốn điều lệ là 80 tỷ đồng, tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần May Phú Thành là 87,5%. Trong 6 tháng đầu năm 2016, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty TNHH Dệt kim Phú Vinh Hưng đạt 48.257.683.481 đồng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**3 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	41.693.910.396	29.776.495.364
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	15.873.738.480	4.854.450.150
- Công ty TNHH Thương mại NTG Việt Nam	9.636.823.780	4.350.700.450
- Công ty CP Đầu tư K&G Việt Nam	6.236.914.700	503.749.700
Phải thu khách hàng khác	25.820.171.916	24.922.045.214
<b>Cộng</b>	<b>41.693.910.396</b>	<b>29.776.495.364</b>
b) Phải thu khách hàng dài hạn (Chi tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)		
c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Dệt may Supertex	-	812.350.000
- Ông Nguyễn Việt Phúc	220.063.800	220.063.800
- Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	1.272.928.800	-
- Bà Nguyễn Thị An	604.847.010	604.847.010
<b>Cộng</b>	<b>2.097.839.610</b>	<b>1.637.260.810</b>

**4 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.019.984.312	2.708.766.802
(Chi tiết các khoản trả trước người bán ngắn hạn chiếm 10% trở lên)	1.870.513.550	500.000.000
- Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	881.100.000	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Đông Đô	500.000.000	500.000.000
- Shaoxing Golden Gulf Import & Export Co.ltd	489.413.550	-
Các công ty khác	2.149.470.762	2.208.766.802
<b>Cộng</b>	<b>4.019.984.312</b>	<b>2.708.766.802</b>

**5 . PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	2.855.619.444	-	2.394.806.359	-
- Phải thu khác	2.155.619.444	-	2.394.806.359	-
- Tạm ứng	700.000.000	-	-	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.855.619.444</b>	<b>-</b>	<b>2.394.806.359</b>	<b>-</b>

**6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	12.390.000.000	-	8.500.000.000	-
+Bà Nguyễn Thị Quyên (1)	3.000.000.000	-	-	-
+Ông Tạ Đức Anh (2)	2.000.000.000	-	-	-
+Bà Nguyễn Thị Hòa	-	-	2.950.000.000	-
+Ông Tạ Duy Khánh	-	-	2.000.000.000	-
+ Ông Tạ Duy Lư	-	-	1.750.000.000	-
+ Ông Tạ Trương Nguyên	-	-	1.800.000.000	-
+Bà Nguyễn Thị Thu Hòa (3)	1.580.000.000	-	-	-
+Bà Ngô Kim Xuyên(4)	3.310.000.000	-	-	-
+Bà Trần Thị Thanh Hà (5)	2.500.000.000	-	-	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12.390.000.000</b>	<b>-</b>	<b>8.500.000.000</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

- (1) Cho bà Nguyễn Thị Quyên vay số tiền 2 tỷ đồng theo hợp đồng cho vay tiền HĐCV-PT/2016 số 02 ngày 01/04/2016 và cho vay 1 tỷ đồng theo hợp đồng cho vay tiền HĐCV-PT/2016 số 03 ngày 05/04/2016 thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.
- (2) Cho ông Tạ Đức Anh vay số tiền 2 tỷ đồng theo hợp đồng cho vay tiền HĐCV-PT/2016 số 06 ngày 01/06/2016, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.
- (3) Hợp đồng HĐCV/PVH-CN số 02/2016 ngày 11 tháng 05 năm 2016 cho vay bà Nguyễn Thị Thu Hòa, số tiền 80 triệu đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 11%/năm.
- (3) Hợp đồng HĐCV/PVH-CN số 04/2016 ngày 15 tháng 06 năm 2016 cho vay bà Nguyễn Thị Thu Hòa, số tiền 1,5 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 11%/năm.
- (4) Hợp đồng HĐCV/PVH-CN số 05/2016 ngày 16 tháng 06 năm 2016 cho vay bà Ngô Thị Xuyên, số tiền 1,1 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 11%/năm.
- (4) Hợp đồng HĐCV/PVH-CN số 07/2016 ngày 29 tháng 06 năm 2016 cho vay bà Ngô Thị Xuyên, số tiền 1,16 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 11%/năm.
- (4) Hợp đồng HĐCV/PVH-CN số 06/2016 ngày 21 tháng 06 năm 2016 cho vay bà Ngô Thị Xuyên, số tiền 1,050 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 11%/năm.
- (5) Hợp đồng HĐCV/PVH-CN số 01/2016 ngày 02 tháng 04 năm 2016 cho vay bà Trần Thị Thanh Hà, số tiền 1 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 11%/năm.
- (5) Hợp đồng HĐCV/PVH-CN số 03/2016 ngày 08 tháng 06 năm 2016 cho vay bà Trần Thị Thanh Hà, số tiền 1,5 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 11%/năm.

**7. NỢ XẤU**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Ecogarden Việt Nam	139.520.200	97.664.140	139.520.200	139.520.200
Cho Jung Taik	1.138.923.264	797.246.285	1.138.923.264	1.138.923.264
Công ty CP Hadovina	512.311.200	358.617.840	512.311.200	512.311.200
<b>Cộng</b>	<b>1.790.754.664</b>	<b>1.253.528.265</b>	<b>1.790.754.664</b>	<b>1.790.754.664</b>

Các khoản nợ xấu trên của Công ty quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm, Công ty đã trích lập dự phòng 30% theo quy định.

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	69.929.554.228	-	68.946.609.430	-
Công cụ, dụng cụ	458.051.527	-	330.933.670	-
Chi phí SXKD dở dang	132.754.643	-	112.074.987	-
Thành phẩm nhập kho	22.363.425.150	(44.756.000)	11.864.215.987	(44.756.000)
Hàng hóa	11.611.789.789	-	8.078.907.690	-
<b>Cộng</b>	<b>104.495.575.337</b>	<b>(44.756.000)</b>	<b>89.332.741.764</b>	<b>(44.756.000)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**9 . TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng	Mẫu số B09-DN
							Đơn vị tính: VND
<b>I. Nguyên giá</b>							
Số dư đầu năm	12.995.512.997	64.669.901.491	1.216.178.182	1.701.795.000		80.583.387.670	
Tăng trong kỳ		5.361.256.556				5.361.256.556	
- Mua trong năm		5.361.256.556				5.361.256.556	
Giảm trong kỳ		152.100.000				152.100.000	
- Thanh lý, nhượng bán		152.100.000				152.100.000	
- Giảm khác							
Số dư cuối kỳ	12.995.512.997	69.879.058.047	1.216.178.182	1.701.795.000		85.792.544.226	
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu năm	3.157.708.505	21.175.937.427	259.374.649	542.118.261		25.135.138.842	
Tăng trong kỳ	641.623.764	3.181.062.697	101.348.184	193.878.504		4.117.913.149	
- Số khấu hao trong kỳ	641.623.764	3.175.829.978	101.348.184	193.878.504		4.112.680.430	
- Tăng khác		5.232.719				5.232.719	
Giảm trong kỳ		152.100.000				152.100.000	
- Thanh lý, nhượng bán		152.100.000				152.100.000	
- Giảm khác							
Số dư cuối kỳ	3.799.332.269	24.204.900.124	360.722.833	735.996.765		29.100.951.991	
<b>III. Giá trị còn lại</b>							
1. Tại ngày đầu năm	9.837.804.492	43.493.964.064	956.803.533	1.159.676.739		55.448.248.828	
2. Tại ngày cuối kỳ	9.196.180.728	45.674.157.923	855.455.349	965.798.235		56.691.592.235	

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Khoản mục	Quyền phát hành	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm		475.200.000	-	-	475.200.000
Tăng trong kỳ		-	-	-	-
- Mua trong kỳ					
- Tăng khác					
Giảm trong kỳ		-	-	-	-
- Chuyển sang BĐSĐT					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ		475.200.000	-	-	475.200.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ		93.017.880			93.017.880
Tăng trong kỳ		4.549.788	-		4.549.788
- Số khấu hao trong kỳ		4.549.788			4.549.788
- Tăng khác					
Giảm trong kỳ		-	-		-
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ		97.567.668	-	-	97.567.668
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm		382.182.120	-	-	382.182.120
2. Tại ngày cuối kỳ		377.632.332	-	-	377.632.332

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	140.735.182	154.151.557
- Chi phí mua bảo hiểm		8.800.000
- Chi phí thuê nhà xưởng, máy móc	140.735.182	
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng		139.244.241
- Các khoản khác (Nếu chi tiết nếu có giá trị lớn)		6.107.316
b) Dài hạn	680.935.292	772.409.476
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	680.935.292	772.409.476
c) Lợi thế thương mại	4.375.000.000	4.625.000.000
Giá trị lợi thế thương mại từ việc mua công ty con	4.375.000.000	4.625.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.196.670.474</b>	<b>5.551.561.033</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÁNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**12. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09a-DN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>82.051.537.262</b>	<b>82.051.537.262</b>	<b>86.472.381.772</b>	<b>68.241.829.825</b>	<b>63.820.985.315</b>	<b>63.820.985.315</b>
Vay ngân hàng VND	82.051.537.262	82.051.537.262	80.472.381.772	62.241.829.825	63.820.985.315	63.820.985.315
NH TNHH Indovina - CN Mỹ Đình (1)	24.363.135.527	24.363.135.527	25.331.254.319	25.789.501.243	24.821.382.451	24.821.382.451
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Quang Minh (2)	14.470.914.372	14.470.914.372	11.084.666.597	1.612.941.435	4.999.189.210	4.999.189.210
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Ngô Quyền (3)	1.166.700.000	1.166.700.000	2.000.000.000	833.300.000	-	-
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây (4)	37.958.460.942	37.958.460.942	37.964.134.435	30.012.548.788	30.006.875.295	30.006.875.295
NH TNHH MTV Shinhan	4.092.326.421	4.092.326.421	4.092.326.421	3.993.538.359	3.993.538.359	3.993.538.359
NH TMCP Quân Đội (5)						
Vay ngắn hạn cá nhân Ông Nguyễn Văn Quang			6.000.000.000	6.000.000.000		
Ông Đỗ Văn Bình			2.000.000.000	2.000.000.000		
Ông Chu Văn Danh			2.000.000.000	2.000.000.000		
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>18.227.852.725</b>	<b>18.227.852.725</b>	<b>3.775.421.500</b>	<b>3.336.586.188</b>	<b>17.789.017.413</b>	<b>17.789.017.413</b>
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Hà Tây (6)	5.104.563.500	5.104.563.500	3.775.421.500	1.510.898.000	2.840.040.000	2.840.040.000
NH TNHH Indovina (7)	13.123.289.225	13.123.289.225	-	1.825.688.188	14.948.977.413	14.948.977.413
<b>Cộng</b>	<b>100.279.389.987</b>	<b>100.279.389.987</b>	<b>90.247.803.272</b>	<b>71.578.416.013</b>	<b>81.610.002.728</b>	<b>81.610.002.728</b>

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

#### **12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- (1) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 077/IVBMD-HĐHM/2015 ngày 12 tháng 8 năm 2015 vay Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Mỹ Đình; hạn mức tín dụng 10 tỷ đồng; thời hạn vay đến hết ngày 12 tháng 08 năm 2016; lãi suất quy định trong từng khế ước ; mục đích vay bổ sung vốn lưu động , phụ lục hợp đồng điều chỉnh tăng hạn mức lên 20 tỷ VND.
- (1) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 078/IVBMD-HĐHM/2016 ngày 27 tháng 04 năm 2016 ký với Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Mỹ Đình với hạn mức tín dụng tối đa 700.000 USD, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 27 tháng 04 năm 2017, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, lãi suất được ấn định là 4,5%/ năm đối với USD và 10%/ năm đối với VND và lãi suất này sẽ được xem xét điều chỉnh hàng tháng căn cứ vào tình hình thị trường tiền tệ tại thời điểm điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/6700554/HĐTD ngày 06 tháng 06 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh; hạn mức tín dụng 25 tỷ đồng; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng ; lãi suất quy định trong từng khế ước ; mục đích vay bổ sung vốn lưu động , bảo lãnh , mở L/C.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 0102216-030216-01-SME ngày 03 tháng 02 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Ngô Quyền, hạn mức tín dụng 2 tỷ đồng; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 04/02/2016, lãi suất quy định trong từng khế ước; mục đích vay bổ sung vốn lưu động.
- (4) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2016/178257/HĐTD ngày 01 tháng 02 năm 2016 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây với hạn mức tín dụng 40.000.000 đồng gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30/06/2017, mục đích vay vốn bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể.
- (5) Hợp đồng cấp tín dụng số 37453.16.057.2767312.TD ngày 15 tháng 6 năm 2016 ký với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm với hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 đồng bao gồm dư nợ, LC, bảo lãnh thanh toán, thời hạn cấp hạn mức tín dụng đến hết ngày 10 tháng 06 năm 2017, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ.
- (6) Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng số 02/2013/HĐ ngày 27 tháng 12 năm 2013, hạn mức tín dụng là 210.000 USD, thời hạn vay 60 tháng, mục đích sử dụng để mua 30 máy dệt.
- (6) Hợp đồng tín dụng số 02/2016/6700554/HĐTD tháng 5 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây; hạn mức tín dụng 3,7 tỷ đồng; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu tiên ; lãi suất 11% đến hết 30/06/2016 và được điều chỉnh vào ngày đầu mỗi quý ; mục đích vay thanh toán tiền mua 5 máy dệt quần sịp mới.
- (7) Vay ngân hàng TNHH Indovina Chi nhánh Mỹ Đình theo Hợp đồng tín dụng số 012/IVBMD-CR/2015 ngày 11 tháng 03 tháng 2015, hạn mức tín dụng là 554.342 USD, thời hạn vay 5 năm, mục đích vay là để nhập khẩu máy móc, thiết bị.
- (7) Vay ngân hàng TNHH Indovina Chi nhánh Đồng Đa theo Hợp đồng tín dụng số 005/IVBMD-HĐTD/2013 ngày 02 tháng 01 tháng 2013, hạn mức tín dụng là 307.370 USD, thời hạn vay 5 năm, mục đích vay là để nhập khẩu máy móc, thiết bị.

Mẫu số B09a-DN

Đơn vị tính: VND

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	18.745.479.399	18.745.479.399	18.491.299.822	18.491.299.822
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	8.270.835.461	8.270.835.461	3.585.207.779	3.585.207.779
Công ty Feng Jiatex CO.,LTD	8.270.835.461	8.270.835.461	3.585.207.779	3.585.207.779
Các khoản phải trả người bán khác	10.474.643.938	10.474.643.938	14.906.092.043	14.906.092.043
<b>Cộng</b>	<b>18.745.479.399</b>	<b>18.745.479.399</b>	<b>18.491.299.822</b>	<b>18.491.299.822</b>
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
- Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	469.200.000	469.200.000		
- Công ty TNHH Thịnh Phát	350.000.000	350.000.000		
- Công ty Cổ phần May GB	358.650.773	358.650.773		
- Công ty TNHH Vincom Mega Mall Times City	75.567.075	75.567.075		
- Các đối tượng khác	60.649.800	60.649.800		
<b>Cộng</b>	<b>1.314.067.648</b>	<b>1.314.067.648</b>		
d) Phải trả người bán là các bên liên quan				

**14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP	868.000.000	868.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Hoàng Yên	4.329.154.314	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu T&C Việt Nam	800.000.000	800.000.000
Các công ty khác	1.260.437.942	1.121.827.098
<b>Cộng</b>	<b>7.257.592.256</b>	<b>2.789.827.098</b>

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

a) Phải nộp (Chi tiết cho từng loại thuế)	Số phải nộp trong kỳ		Số đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
	Đầu năm			
- Thuế GTGT	1.264.358		1.264.358	-
- Thuế TNDN	4.210.925.598	1.021.990.724	569.261.807	4.663.654.515
- Thuế TNCN	-			
- Các loại thuế khác	275.309.970			275.309.970
<b>Cộng</b>	<b>4.487.499.926</b>	<b>1.021.990.724</b>	<b>570.526.165</b>	<b>4.938.964.485</b>
b) Phải thu (Chi tiết cho từng loại thuế)				
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.903.404			1.903.404
- Thuế TNCN nộp thừa	8.081.870			8.081.870
<b>Cộng</b>	<b>9.985.274</b>	-	-	<b>9.985.274</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Ngắn hạn	190.000.000	130.000.000
- Trích trước chi phí kiểm toán	190.000.000	130.000.000
b) Dài hạn		
<b>Cộng</b>	<b><u>190.000.000</u></b>	<b><u>130.000.000</u></b>

**17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Ngắn hạn		
- Bảo hiểm xã hội	337.798.047	29.186.377
- Bảo hiểm y tế	52.810.601	4.441.500
- Bảo hiểm thất nghiệp	22.591.023	1.974.000
<b>Cộng</b>	<b><u>413.199.671</u></b>	<b><u>35.601.877</u></b>
b) Dài hạn		
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**Mẫu số B09a-DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>96.000.000.000</b>				<b>30.109.031.366</b>	<b>2.749.719.927</b>	<b>128.858.751.293</b>
Tăng vốn năm trước							12.488.120.658
Lãi trong năm trước						12.488.120.658	61.899.680
Tăng khác						61.899.680	
<i>Trích lập các quỹ</i>							
Giảm vốn trong năm trước							
<i>Trích lập các quỹ</i>							
Lỗ trong năm trước							
Giảm khác							
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>96.000.000.000</b>				<b>19.897.747.236</b>	<b>15.299.740.265</b>	<b>19.897.747.236</b>
Tăng vốn trong kỳ này							3.674.478.559
Lãi trong kỳ này						3.674.478.559	184.767.571
Tăng khác							
<i>Trích lập các quỹ</i>							
Giảm vốn trong kỳ này							
<i>Trích lập các quỹ</i>							
Giảm khác							
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>96.000.000.000</b>				<b>10.396.051.701</b>	<b>18.974.218.423</b>	<b>125.370.270.123</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của công ty mẹ			
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	96.000.000.000	96.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>96.000.000.000</b>	<b>96.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	96.000.000.000	96.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ		
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	96.000.000.000	96.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d) Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.600.000	9.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.600.000	9.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.600.000	9.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.600.000	9.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.600.000	9.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

**đ) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế	3.674.478.559	10.718.686.284
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	9.600.000	4.875.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>383</b>	<b>2.199</b>

**e) Các quỹ của doanh nghiệp**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

**g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh****1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

## a) Doanh thu

- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm
- Doanh thu cung cấp dịch vụ

**Cộng**

## b) Doanh thu đối với các bên liên quan (Chi tiết từng đối tượng)

- Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vinh Hưng
- Bà Nguyễn Thị An
- Công ty Cổ phần Dệt may Supertex

**Cộng**

## c) Doanh thu ghi nhận trước từ hoạt động cho thuê tài sản

	Kỳ này	Kỳ trước
	50.112.889.570	50.383.520.690
<b>Cộng</b>	<b>50.112.889.570</b>	<b>50.383.520.690</b>
	2.204.880.000	946.500.000
	1.022.180.000	-
	1.161.510.000	2.449.079.600
<b>Cộng</b>	<b>4.388.570.000</b>	<b>3.395.579.600</b>

**2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

## Hàng bán bị trả lại

**Cộng**

	Kỳ này	Kỳ trước
	87.274	-
<b>Cộng</b>	<b>87.274</b>	<b>-</b>

**3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

- Giá vốn của hàng đã bán
- Giá vốn cung cấp dịch vụ

**Cộng**

	Kỳ này	Kỳ trước
	38.179.514.311	42.653.060.357
<b>Cộng</b>	<b>38.179.514.311</b>	<b>42.653.060.357</b>

**4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

## Lãi tiền gửi, cho vay

## Lãi bán các khoản đầu tư

## Lãi chênh lệch tỷ giá

**Cộng**

	Kỳ này	Kỳ trước
		667.330.779
	531.070.735	11.401.270.000
	538.336.679	2.311.130
<b>Cộng</b>	<b>1.069.407.414</b>	<b>12.070.911.909</b>

**5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

## Lãi tiền vay

## Chi phí tài chính khác

**Cộng**

	Kỳ này	Kỳ trước
	3.881.029.934	852.036.622
	28.361.021	1.280.261.043
<b>Cộng</b>	<b>3.909.390.955</b>	<b>2.132.297.665</b>

**6 . THU NHẬP KHÁC**

## - Thanh lý nhượng bán TSCĐ

## - Các khoản thu nhập khác

**Cộng**

	Kỳ này	Kỳ trước
	2.000.000	-
	53.984.106	-
<b>Cộng</b>	<b>55.984.106</b>	<b>-</b>

**7 . CHI PHÍ KHÁC**

## - Các khoản bị phạt

## - Các khoản chi phí khác

**Cộng**

	Kỳ này	Kỳ trước
	636.379	
	236.273.185	381.335.121
<b>Cộng</b>	<b>236.909.564</b>	<b>381.335.121</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này	Kỳ trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm:	<b>3.254.422.595</b>	<b>2.473.321.099</b>
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	1.404.461.399	1.184.960.000
+ Lương và các khoản trích theo lương	867.235.000	1.184.960.000
+ Dự phòng phải thu khó đòi	537.226.399	
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.849.961.196	1.288.361.099
<b>Cộng</b>	<b>3.254.422.595</b>	<b>2.473.321.099</b>
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	<b>776.719.538</b>	<b>806.875.670</b>
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	350.423.000	231.735.000
+ Lương và các khoản trích theo lương	350.423.000	231.735.000
- Chi phí bán hàng khác	426.296.538	575.140.670
<b>Cộng</b>	<b>776.719.538</b>	<b>806.875.670</b>
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa		
- Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác		
- Các khoản ghi giảm khác		
<b>Cộng</b>	-	-

**9 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.881.236.853	14.007.542.687
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	228.716.767	568.497
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	
Thu nhập chịu thuế	5.109.953.620	14.008.111.184
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.021.990.724</b>	<b>3.081.784.460</b>

**10 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.242.354.678	11.824.335.992
Chi phí nhân công	5.269.947.000	4.209.712.813
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.117.230.218	2.796.205.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.588.833.612	3.265.870.352
Chi phí bằng tiền khác	1.843.238.675	3.099.640.792
<b>Cộng</b>	<b>44.061.604.183</b>	<b>25.195.765.173</b>

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

**VIII. Những thông tin khác**

**1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

**2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**3. BÁO CÁO BỘ PHẬN****3.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Kỳ này

CHỈ TIÊU	Bít tất	Quần áo	Sợi vải, vải	Khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	6.735.119.908	32.784.391.882	9.119.322.780	1.473.967.726	50.112.802.296
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>6.735.119.908</b>	<b>32.784.304.608</b>	<b>9.119.322.780</b>	<b>1.473.967.726</b>	<b>50.112.802.296</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	875.235.134	9.888.803.299	995.960.550	173.201.728	11.933.200.711
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					4.031.142.133
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					7.902.058.578
Doanh thu hoạt động tài chính					1.069.407.414
Chi phí tài chính					3.909.390.955
Thu nhập khác					55.984.106
Chi phí khác					236.909.564
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					1.021.990.724
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>3.859.158.855</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>					<b>5.361.256.556</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>					<b>4.619.083.642</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ( trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>					

Mẫu số B09a-DN

Đơn vị tính : VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÁNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN

Kỳ trước

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Bất tất	Quần áo	Sợi vải, vải	Khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	13.116.322.245	23.349.474.032	9.345.243.990	4.572.480.423	50.383.520.690
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>13.116.322.245</b>	<b>23.349.474.032</b>	<b>9.345.243.990</b>	<b>4.572.480.423</b>	<b>50.383.520.690</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.012.467.716	3.582.563.908	1.433.862.441	701.566.267	7.730.460.333
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					3.280.196.769
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					4.450.263.564
Doanh thu hoạt động tài chính					12.070.911.909
Chi phí tài chính					2.132.297.665
Thu nhập khác					-
Chi phí khác					381.335.121
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					3.081.784.460
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>					<b>10.925.758.227</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>					<b>5.774.219.977</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ( trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>					

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CHỈ TIÊU	Bất tất	Quần áo	Vải	Khác	TỔNG CỘNG
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	20.182.015.547	98.239.543.720	27.326.360.427	4.416.794.351	150.164.714.045
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					107.030.181.876
<b>Tổng tài sản</b>					<b>257.194.895.921</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	3.494.791.701	17.011.519.057	4.731.932.617	764.828.280	26.003.071.655
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					105.821.554.143
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>131.824.625.798</b>
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	31.701.182.029	56.433.954.027	22.586.764.438	11.051.347.436	121.773.247.930
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					107.282.007.916
<b>Tổng tài sản</b>					<b>229.055.255.846</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	5.540.107.452	9.862.413.614	3.947.269.280	1.931.336.574	21.281.126.920
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					86.263.104.531
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>107.544.231.451</b>

Đơn vị tính: VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÂY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN

**3.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý****Kỳ này**

Chỉ tiêu	Trong nước	Xuất khẩu	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	41.726.108.288	8.386.694.008	-	50.112.802.296
Tài sản bộ phận	57.069.224.567			57.069.224.567
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	5.361.256.556			5.361.256.556

**Kỳ trước**

Chỉ tiêu	Trong nước	Xuất khẩu	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	48.300.676.643	2.082.844.047	-	50.383.520.690
Tài sản bộ phận	55.830.430.948			55.830.430.948
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-			-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**4 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****4.1 Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

**Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình.

**4.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Ảnh hưởng của rủi ro tài chính**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng	2.439.125.841	4.524.903.455
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	18.420.000.000	18.420.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	44.549.529.840	32.171.301.723
<b>Cộng</b>	<b>65.408.655.681</b>	<b>55.116.205.178</b>

**4.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

	Từ 1 năm trở xuống (VND)	Từ 1 đến 5 năm (VND)	Từ 5 năm trở lên	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Các khoản vay	82.051.537.262	18.227.852.725		100.279.389.987
Phải trả người bán	18.745.479.399			18.745.479.399
Chi phí phải trả	190.000.000	-		190.000.000
Phải trả khác	413.199.671	-		413.199.671
<b>Số đầu năm</b>				
Các khoản vay	63.820.985.315	17.789.017.413		81.610.002.728
Phải trả người bán	18.491.299.822			18.491.299.822
Chi phí phải trả	130.000.000	-		130.000.000
Phải trả khác	35.601.877	-		35.601.877

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**4.4 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**Mẫu số B09- DN****4.5 Giá trị hợp lý****- So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	
<b>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</b>					
- Tiền và các khoản tương đương tiền	3.748.529.548	3.748.529.548	7.327.702.168	7.327.702.168	
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	44.549.529.840	(*)	32.171.301.723	(*)	
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	-	(*)	-	(*)	
<b>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:</b>					
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	18.420.000.000	(*)	18.420.000.000	(*)	
<b>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</b>					
- Vay ngắn hạn	(82.051.537.262)	(82.051.537.262)	(63.820.985.315)	(63.820.985.315)	
- Phải trả người bán và phải trả khác	(19.158.679.070)	(19.158.679.070)	(18.526.901.699)	(18.526.901.699)	
- Vay dài hạn	(18.227.852.725)	(18.227.852.725)	(17.789.017.413)	(17.789.017.413)	
<b>Cộng</b>	<b>(52.720.009.669)</b>	<b>(*)</b>	<b>(42.217.900.536)</b>	<b>(*)</b>	

(\*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

**- Cơ sở xác định giá trị hợp lý***Nợ phải trả tài chính phi phải sinh ngắn hạn*

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phải sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**5. Thông tin về các bên liên quan**

**a) Các bên liên quan có giao dịch trong kỳ:**

**Bên liên quan**

Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vinh Hưng  
 Bà Nguyễn Thị An p  
 Công ty Cổ phần Dệt may Supertex  
 Bà Tạ Thị Nga

**Mối quan hệ**

Thành viên chủ chốt có mối quan hệ mật thiết trong gia đình  
 Thành viên chủ chốt có mối quan hệ mật thiết trong gia đình  
 Công ty có cùng người quản lý chủ chốt  
 Thành viên chủ chốt có mối quan hệ mật thiết trong gia đình

**b) Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên, trong kỳ Công ty còn có giao dịch với các bên liên quan như sau:**

**Các bên liên quan**

**Giá trị giao dịch**

**VND**

**Mua hàng**

Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vinh Hưng

638.451.000

**Cộng**

**638.451.000**

**Trả tiền mua hàng**

Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vinh Hưng

638.451.000

**Cộng**

**638.451.000**

**Thu tiền bán hàng**

Công ty Cổ phần Dệt may Supertex

2.151.862.799

Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vinh Hưng

1.152.439.250

Bà Nguyễn Thị An

1.124.398.000

Bà Tạ Thị Nga

52.800.000

**Cộng**

**4.481.500.049**

**c) Lương và thù lao chi trả trong năm cho các thành viên trong Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng như sau :**

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này VND
Ông Nguyễn Việt Tùng	Tổng Giám đốc	43.025.000
Ông Chu Ngọc Cường	Phó Tổng giám đốc	35.020.000
Bà Nông Kim Nhân	Kế toán trưởng	29.890.000
Bà Tạ Thị Nga	Giám đốc công ty con	46.275.012
Ông Nguyễn Việt Đạt	Phó Giám đốc công ty con	48.945.012
Bà Nguyễn Thị Hợi	Kế toán trưởng công ty con	40.510.000
<b>Cộng</b>		<b><u>243.665.024</u></b>

**6. Số liệu so sánh**

Năm 2016 là năm đầu tiên Công ty thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ, do đó số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam và Báo cáo tài chính giữa niên độ 06 tháng đầu năm 2015 của Công ty chưa được soát xét.

**7. Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**8. Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu



Nông Kim Nhân

Kế toán trưởng



Nông Kim Nhân

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2016  
**Tổng Giám đốc**  
 CÔNG TY CỔ PHẦN  
 MAY  
 PHÚ THÀNH  
 H. HOÀI ĐỨC - TP. HÀ NỘI



Nguyễn Việt Tùng